

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ II NĂM 2024

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	4.818.500.000		4.818.500.000	1.191.617.265		1.191.617.26	24,73		24,73
	Trong đó:									
	Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	438.610.000		438.610.000	169.761.000		169.761.000	38,7		38,7
	Chi dân quân tự vệ	329.890.000		329.890.000	142.581.000		142.581.000	43,22		43,22
	Chi trật tự an toàn xã hội	108.720.000		108.720.000	27.180.000		27.180.000	25		25
1	Chi giáo dục	25.000.000		25.000.000	6.486.600		6.486.600	25,95		25,95
4	Chi văn hóa, thông tin	10.000.000		10.000.000						
7	Chi bảo vệ môi trường	156.890.000		156.890.000						
8	Chi các hoạt động kinh tế	38.110.000		38.110.000						
	Giao thông	5.950.000		5.950.000						
	Nông - lâm - thủy lợi - hải sản									
	Thị chính	32.160.000		32.160.000						
	Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	3.760.890.000		3.760.890.000	970.015.665		970.015.665	25,79		25,79
	Hội khuyến học	5.000.000		5.000.000						
	Hội người cao tuổi	28.920.000		28.920.000	14.273.500		14.273.500	49,36		49,36
	Hội đồng nhân dân	358.806.000		358.806.000	74.905.600		74.905.600	20,88		20,88
	Uy ban nhân dân	1.711.842.000		1.711.842.000	450.378.465		450.378.465	26,31		26,31
	Đảng Cộng sản Việt Nam	696.070.000		696.070.000	161.077.300		161.077.300	23,14		23,14
	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	325.952.000		325.952.000	78.188.100		78.188.100	23,99		23,99
	Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	148.922.000		148.922.000	49.055.200		49.055.200	32,94		32,94
	Hội Liên hiệp Phụ nữ	144.922.000		144.922.000	40.135.200		40.135.200	27,69		27,69
	Hội Cựu chiến binh	165.942.000		165.942.000	50.389.100		50.389.100	30,37		30,37
	Hội Nông dân	144.922.000		144.922.000	43.135.200		43.135.200	29,76		29,76
	Hội chữ thập đỏ	29.592.000		29.592.000	8.478.000		8.478.000	28,65		28,65
10	Chi cho công tác xã hội	215.000.000		215.000.000	45.354.000		45.354.000	21,09		21,09

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	118.000.000		118.000.000	39.954.000		39.954.000	33,86		33,86
	Trợ cấp xã hội	97.000.000		97.000.000	5.400.000		5.400.000	5,57		5,57
11	Chi khác	80.000.000		80.000.000						
12	Dự phòng	94.000.000		94.000.000						
13	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm									
	Nộp trả ngân sách cấp trên									